

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chính - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị VTTH; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18/185 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Căn hộ số 56 đường 5B Khu dự án D. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh NTD; địa chỉ: Số 18/185 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2020, các lời khai tại Tòa án và tại Đơn đề nghị đề nghị được xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị VTTH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh NTD kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 16-02-2009. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do công việc của chị làm quản lý nhà hàng phải thường xuyên về muộn theo giờ về của khách hàng, nhưng anh NTD không thông cảm,

xử sự bằng những lời nói, hành động gây tổn thương đến tâm lý, sức khỏe của chị VTTH. Anh NTD nhận khuyết điểm nhiều lần và cả hai anh chị cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm, nhưng sau đó anh tiếp tục bất đồng, xúc phạm chị, nhiều lần anh chị xô xát, xung đột. Do bất đồng quan điểm sống, tính cách, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn, chị đã chuyển đi nơi khác không còn sống chung với anh NTD, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Thấy rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài thêm, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh NTD.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: E, sinh ngày 11-8-2010 và F, sinh ngày 17-11-2012. Hiện nay chị vẫn đang làm việc quản lý nhà hàng với mức lương khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng theo như bảng lương mà chị cung cấp cho Tòa án. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E, còn anh NTD trực tiếp nuôi dưỡng cháu F. Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh NTD trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận trình bày của chị VTTH về việc đăng ký kết hôn, tình trạng mâu thuẫn, sống ly thân giữa anh chị. Từ năm 2015, chị VTTH đi làm việc ở nhà hàng, thường xuyên về nhà khoảng 22 hoặc 23 giờ, không quan tâm đến chồng, con như trước. Anh không thể chấp nhận được việc đó, nên không kiềm chế được bản thân, dẫn đến anh chị nhiều lần to tiếng, xô xát. Chị VTTH không còn tình cảm, mong muốn ly hôn, nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là E, sinh ngày 11-8-2010 và F, sinh ngày 17-11-2012. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, anh làm việc lao động tự do, không trình bày thu nhập hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng, trong đó thụ lý vụ án, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và ra quyết định mở phiên tòa đúng thời hạn theo quy định Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định theo các điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quy định theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn bảo đảm quy định điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị VTTH được ly hôn anh NTD. Giao chị VTTH trực tiếp nuôi dưỡng cháu E và giao cho anh NTD trực tiếp nuôi dưỡng cháu F cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng, tài sản: Đương sự không yêu cầu và đề nghị Tòa án không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án thụ lý, giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con, bảo đảm quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, nguyên đơn được triệu tập hợp lệ, vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20-8-2020. Bị đơn được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, phù hợp quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTTH và anh NTD đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp. Trên cơ sở ý kiến, lời khai tại Tòa án của đương sự, phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cần đánh giá khách quan về quan hệ giữa vợ, chồng đương sự trong tình trạng trầm trọng, không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng cuộc sống ly thân kéo dài, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận ý kiến thống nhất của đương sự, chị VTTH được ly hôn với anh NTD, phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

[4] Anh NTD, chị VTTH phải thực hiện nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với các con chung là cháu E, cháu F, bảo đảm quy định các điều 69, 70, 71, 72 của Luật Hôn nhân và Gia đình, trong đó: Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội; trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập. Cha mẹ làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục con. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục các con chưa thành niên; phải thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; phải thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Cơ quan Quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em tại địa phương, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các con chung của đương sự về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh, nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình. Các cháu E, F đạt được lợi ích tốt nhất trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong điều kiện, hoàn cảnh về kinh tế, chỗ ở, học hành, giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom do mỗi người cha mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là tối ưu, có căn cứ hợp pháp. Do vậy, cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc chị VTTH trực tiếp nuôi dưỡng cháu E, anh NTD trực tiếp nuôi dưỡng cháu F cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị VTTH, anh NTD tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị VTTH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị VTTH.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị VTTH được ly hôn anh NTD.

- Về con chung: Giao cháu E, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2010 cho chị VTTH trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu F, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2012 cho anh NTD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị VTTH, anh NTD tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chi VTTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009933 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, nên chi VTTH nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh